

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 70/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15-7-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa
2. Bà Đoàn Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973

Cư trú: khóm T, phường T, thành phố L, tỉnh An Giang. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Phan Thị Bích N, sinh năm 1971

Cư trú: khóm T, phường T, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà N tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, có nhiều bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể

hàn gắn và kéo dài. Nay, ông H yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà N là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/4/1996. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phan Thị Bích N có đơn xin xét xử vắng mặt, trong quá trình giải quyết bà N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật như ông H trình bày. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/4/1996. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà N là vợ chồng, bà N hiện cư trú tại khóm T, phường T, thành phố L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị Bích N thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng. Nhận thấy, ông H và bà N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Như vậy, hôn nhân của ông bà đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về việc đăng ký kết hôn và giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/06/2000 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp tuyên bố không công nhận ông H và bà N là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/4/1996. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị Bích N là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/4/1996. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003096, ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ông H đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Phan Thị Bích N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Chiền